

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HS-ST
Ngày 22-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Thoa, ông Vũ Ngọc Hân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2020, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 247/TB-TA ngày 01/4/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bạch Minh T**, sinh năm 1984 tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Số nhà 158, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bạch Hữu K, sinh năm 1956(đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; có vợ là Nguyễn Đỗ Bình N, sinh năm 1980 và 01 con sinh năm 2015;

Tiền án: Tại Bản án số 172/2018/HS-ST ngày 14/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố B xử 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/6/2019;

Tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Ngày 17/4/2003, Trưởng Công an phường L, thành phố B xử phạt 100.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma Ty”.

+ Ngày 27/12/2005, Trưởng Công an phường T, thành phố B xử phạt 100.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

+ Tại bản án số 125/HSST ngày 18/7/2003, Tòa án nhân dân thị xã B (nay là thành phố B, tỉnh Bắc Giang) xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma Ty”.

+ Tại bản án số 69/2006/HSST ngày 24/4/2006, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xử phạt 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Tại Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 29/4/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng.

+ Tại bản án số 47/2010/HSST ngày 05/5/2010, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 29/3/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 12 tháng.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/01/2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

* Bị hại: Trần Đức A, sinh năm 1994, địa chỉ: Số nhà 02, ngách 3, ngõ 23, đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Mai Văn T, sinh năm 1958, địa chỉ: Số nhà 02, đường H, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

- Ông Kiều T, sinh năm 1970, địa chỉ: Số nhà 164, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 31/12/2019, Bạch Minh T đi xe đạp mini qua khu vực ngõ 23, đường A, phường T, thành phố B thì nhìn thấy có 01 con chó, loại chó Poodle lai (của anh Trần Đức A, trú tại số nhà 02, ngách 3, ngõ 23, đường A, phường T, thành phố B) được xích ở cạnh cột điện số 7III/A22 trước cửa nhà. Quan sát không thấy ai trông coi, T nảy sinh ý định trộm cắp chó để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. T đi xe đạp tiến lại gần thì thấy con chó được xích bằng 2 đoạn xích. T dùng tay tháo phần

chốt nối giữa 2 đoạn xích, kéo con chó rồi đạp xe đi được khoảng 5m thì bế con chó đặt lên giỏ xe đi đến nhà ông Mai Văn T, trú tại số nhà 02, đường H, phường L, thành phố B. Tại đây, T bán con chó cho ông T được 800.000 đồng đem chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 31/12/2019, anh Trần Đức A có đơn trình báo Công an phường T. Ngày 01/01/2020, Cơ quan điều tra đã thu giữ dữ liệu của Camera an ninh tại số nhà 02, ngách 3, ngõ 23, đường A trong đó có đoạn hình ảnh T trộm cắp tài sản.

Ngày 01/01/2020, Bạch Minh T đến nhà ông T chuộc lại con chó đã bán và đến Công an thành phố B đầu thú, giao nộp 01 con chó, loại Poodle lai. Cơ quan điều tra đã kiểm tra, kết quả con chó có màu lông xám, giống đực đã trưởng thành, có khối lượng 10,1kg. Cùng ngày 01/01/2020, Cơ quan điều tra đã tạm giao con chó cho anh Trần Đức A quản lý chăm sóc.

Tại Kết luận định giá tài sản số 186/KL- HĐĐG ngày 02/01/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: “01 con chó, loại chó pút đồ lai, màu lông xám, giống đực, có trọng lượng 10,1kg, có trị giá 95.000 đồng/01kgx10,1kg= 959.500 đồng”.

Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại anh Trần Đức A con chó bị trộm cắp. Đến nay, anh Trần Đức A và ông Mai Văn T không có yêu cầu bồi thường dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 13 tháng 3 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Bạch Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố.

Ông Kiều T – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ngày 31/12/2019, ông cho bị cáo T mượn xe đạp nhưng không biết bị cáo sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản. Ông đã được nhận lại xe, không có yêu cầu hay đề nghị gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Bạch Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bạch Minh T từ 10 tháng đến 14 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/01/2020. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo T.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt nhẹ hơn mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị do bị cáo đã tự nguyện chuộc lại tài sản trả cho bị hại, tự ra đầu thú và khai báo thành khẩn.

Ông Thắng không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên: trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 31/12/2019, tại đoạn đường ngách 3, ngõ 23, đường A, phường T, thành phố B, Bạch Minh T có hành vi trộm cắp 01 con chó, loại chó Poodle lai, màu lông xám, giống đực, có trị giá 959.500 đồng của anh Trần Đức A. Giá trị tài sản trộm cắp dưới 2.000.0000 đồng nhưng bị cáo T đã có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nên hành vi lần này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì lợi ích trước mắt, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong nội bộ quần chúng nhân dân.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử lý hành chính và xét xử về hình sự nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo là đối tượng coi thường pháp luật. Do vậy, cần xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự, áp dụng hình phạt tù giam mới đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, biết tuân thủ pháp luật.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện chuộc lại tài sản để trả cho bị hại rồi đầu thú tại cơ quan Công an. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Đối với chiếc xe đạp mini T sử dụng khi trộm cắp tài sản, qua điều tra đã xác định T mượn của ông Kiều T, sinh năm 1970 trú tại số nhà 164, đường T, phường Lê Lợi, thành phố B. Khi cho T mượn xe, ông T không biết T sử dụng đi trộm cắp tài sản nên không vi phạm pháp luật; cơ quan điều tra không thu giữ chiếc xe trên là phù hợp.

[9] Đối với ông Mai Văn Th khi mua con chó do T đem bán không biết tài sản trộm cắp mà có nên ông T không vi phạm pháp luật.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Cần tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Tuyên bố bị cáo Bạch Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bạch Minh T 08 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/01/2020.
- Về án phí: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP B;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Giang